TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2026/DS-ST
Ngày 20/5/2026
V/v "*T/c hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Xoa** và **bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Minh Tâm** – Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng, địa chỉ C L, phường H, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 422/2025/TLST - DS ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N1. Trụ sở: A T, phường H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Ngọc V – Chức vụ: Trưởng phòng N1 – Chi nhánh Đ (Theo giấy ủy quyền số 249/UQ-ĐAN-HCNS ngày 05/8/2025). Địa chỉ liên hệ: D T, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà Võ Thị Tường V1, sinh năm 1982. Địa chỉ: B B, phường C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp Toà án ngày 09/9/2025 nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/01/2019 bà Võ Thị Tường V1 và Ngân hàng TMCP N1 có ký Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế V2 số 406.TDCN.19.HT. Theo Hợp đồng thì Ngân hàng cho bà V1 vay 30.000.000 đồng với mục đích là tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày phát hành. Lãi suất thỏa thuận là 22%/năm. Theo quy định của Ngân hàng, ngày thanh toán sao kê thẻ là ngày 05 hàng tháng, tuy nhiên kể từ ngày 05/01/2023, bà V1 không thanh toán nợ đúng hạn và phát sinh quá hạn số tiền gốc 29.997.000 đồng.

Tính đến ngày 21/7/2025 dư nợ của bà Võ Thị Tường V1 là 43.914.648 đồng, trong đó nợ gốc là 26.952.914 đồng, nợ lãi là 11.715.904 đồng, nợ phí phát sinh 5.245.830 đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Võ Thị Tường V1 phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ trên đối với Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP N1 đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, gởi thông báo và cử trực tiếp nhân viên tín dụng đến làm việc về khoản nợ vay nói trên nhưng đến nay bà V1 vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng các khoản nợ vay nói trên.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Quá trình thực hiện hợp đồng, kể từ ngày quá hạn 05/01/2023 đến ngày 19/5/2026 bà V1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 6.771.825 đồng, trong đó nợ gốc là 3.044.086 đồng và nợ lãi là 3.727.739 đồng.

Tính đến ngày 19/5/2026 dư nợ của bà Võ Thị Tường V1 là 42.759.715 đồng, trong đó nợ gốc là 26.952.914 đồng, nợ lãi là 15.806.801 đồng.

Do bà V1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đề nghị HĐXX buộc bà Võ Thị Tường V1 phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ trên đối với Ngân hàng và lãi phát sinh.

Đối với nợ phí 5.245.830 đồng (bao gồm phí phạt chậm trả và phí vượt hạn mức), để hỗ trợ khách hàng, Ngân hàng miễn số tiền phí này cho bà V1 nên rút yêu cầu đề nghị HĐXX buộc bà V1 trả khoản phí này.

Do bị đơn là bà Võ Thị Tường V1 kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N1 cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp nêu trên. Tại phiên tòa hôm nay, Bà Võ Thị Tường V1 tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 nhưng vẫn không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, *Hội đồng xét xử nhận định:*

*** Về thủ tục tố tụng:**

- Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Võ Thị Tường V1 nh- ng bà V1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu bà V1 thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2026 là 42.759.715 đồng, trong đó nợ gốc là 26.952.914 đồng, nợ lãi là

15.806.801 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 20/5/2026 theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 406.TDCN.19.HT cho đến ngày thực tế bà Võ Thị Tường V1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng không yêu cầu bà V1 trả nợ phí 5.245.830 đồng. HĐXX xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

*** Về nội dung tranh chấp:**

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng TMCP N1 yêu cầu bà Võ Thị Tường V1 phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 19/5/2026 là 42.759.715 đồng, trong đó nợ gốc là 26.952.914 đồng; nợ lãi là 15.806.801 đồng. Ngoài ra bà V1 còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 20/5/2026 đến ngày bà V1 thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất tại hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Ngày 14/01/2019 bà Võ Thị Tường V1 có ký với Ngân hàng TMCP N1 Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế V2 số 406.TDCN.19.HT. Theo Hợp đồng thì Ngân hàng cho bà V1 vay 30.000.000 đồng với mục đích là tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay là 60 tháng. Theo thỏa thuận lãi suất trong hạn là 22%/năm.

HĐXX xét thấy: Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế V2 số 406.TDCN.19.HT ngày 14/01/2019 được ký kết giữa Ngân hàng và bà V1 là tự nguyện, hợp pháp, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên ràng buộc các bên tham gia ký kết, thỏa thuận phải thực hiện nghĩa vụ đã cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà V1 đã thanh toán tổng số tiền là 6.771.825 đồng, trong đó nợ gốc là 3.044.086 đồng và nợ lãi là 3.727.739 đồng. Từ ngày 05/01/2023 đến nay bà V1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Ngân hàng TMCP N1 đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng đến nay bà V1 vẫn chưa thanh toán xong cho Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu bà V1 thanh toán toàn bộ các khoản nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 19/5/2026 là 42.759.715 đồng, trong đó nợ gốc là 26.952.914 đồng; nợ lãi là 15.806.801 đồng là phù hợp với Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 20/5/2026 đến ngày bà V1 thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất tại hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng.

Án phí dân sự sơ thẩm là 2.137.985 đồng bà V1 phải chịu.

H lại số tiền tạm ứng án phí 1.097.866 đồng cho Ngân hàng TMCP N1 đã nộp theo biên lai thu số 6507 ngày 03 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP N1 đối với bà Võ Thị Tường V1.

Xử:

- Buộc bà Võ Thị Tường V1 phải trả cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền tạm tính đến ngày 19/5/2026 là 42.759.715 đồng, trong đó nợ gốc là 26.952.914 đồng; nợ lãi: 15.806.801 đồng

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 20/5/2026 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi bà Võ Thị Tường V1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N1 buộc bà Võ Thị Tường V1 trả nợ phí phát sinh 5.245.830 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 2.137.985 đồng bà V1 phải chịu.

H lại số tiền tạm ứng án phí 1.097.866 đồng cho Ngân hàng TMCP N1 đã nộp theo biên lai thu số 6507 ngày 03 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1- Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Hồng L

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực1;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Hồng Loan

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Hải Châu;
- CCTHADS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Hồng Loan